

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2022/DS-PT
Ngày: 28-12-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận;

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt;

Ông Phn Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Trần Văn Sung– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS–ST ngày 17 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2022/QĐ– ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim Ch, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện Ba , tỉnh B1.

- Bị đơn: Phạm Thị Ph, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện Ba , tỉnh B1

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện Ba , tỉnh B1

(Ông Th ủy quyền cho bà Ph)

- Người làm chứng do bị đơn mời: Bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện Ba , tỉnh B1

- Người kháng cáo: Bị đơn – Phạm Thị Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Kim Ch trình bày:

Ngày 08/7/2013, bà có cho bà Phạm Thị Ph vay 02 (Hai) chỉ vàng 24K để làm ăn và sinh hoạt gia đình. Lãi suất 200.000 đồng/tháng và hứa 02 tháng sẽ trả lại. Tuy nhiên sau đó bà Ph không trả lãi cũng không trả vốn như đã hứa dù bà đã nhiều lần nhắc nhở. Đến ngày 02/6/2019 bà Ph đến gặp bà để năn nỉ mượn thêm 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và hứa sau khi bán bò sẽ trả 02 chỉ vàng và số tiền 20.000.000 đồng, kể cả tiền lãi.

Đến ngày 03/10/2019, bà Ph không trả vốn và cũng không trả bất cứ khoản tiền lãi nào cho bà nên bà Ph đồng ý làm giấy nhận nợ thêm 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Sau đó, bà Ph năn nỉ bà cho mượn thêm 2.000.000 (Hai triệu) đồng và hứa trong vòng 02 ngày sẽ trả hết cho bà gồm: 02 (Hai) chỉ vàng 24K và tất cả số tiền là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) gồm 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) có biên nhận và 2.000.000 đồng không có giấy nợ vì số tiền ít. Từ đó đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu bà Ph trả nợ theo như lời hứa nhưng bà Ph không trả mà còn thách thức bà kiện lên Tòa án. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Đức Th phải liên đới trả cho bà 02 (hai) chỉ vàng 24K theo biên nhận ngày 08/7/2013 và số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng theo biên nhận ngày 02/6/2019, không yêu cầu tính lãi. Bà rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Đức Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng theo biên nhận ngày 03/10/2019 và số tiền 2.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Phạm Thị Ph trình bày:

Ngày 08/7/2013, bà có vay 02 chỉ vàng 24K của bà Võ Thị Kim Ch. Mục đích vay để sinh hoạt và lo kinh tế gia đình. Lãi suất 1.000.000 đồng/tháng. Thời điểm vay vàng, bà có hứa 2 tháng trả lại nhưng sau đó không có tiền nên vẫn đóng lãi hàng tháng mà chưa trả vốn. Bà đã đóng lãi từ ngày vay đến tháng 12/2015, mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng tiền lãi bà đã đóng là 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng. Đến đầu năm 2016, bà Ch yêu cầu tăng tiền lãi lên 2.000.000 đồng/tháng, bà cũng đồng ý. Bà đã đóng lãi từ đầu năm 2016 đến hết năm 2017 là 24 tháng, tổng cộng 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu) đồng. Việc đóng lãi không có làm giấy tờ, cũng không có người làm chứng.

Đối với tờ biên nhận ngày 02/06/2019 có nội dung “tôi phạm thị Ph có mượn chị sáu Ch số tiền là 20 triệu đồng chẳng trong vòng 3 tháng tôi hoàn trả lại cho chị sáu Ch”, phía dưới có ký tên Ph và ghi họ tên Phạm Thị Ph do bà Ch cung cấp thì bà thừa nhận có nợ 20.000.000 đồng này, chữ ký và chữ viết trong biên nhận này là do bà ký và viết ra. Đây là tiền nợ lãi của 02 chỉ vàng 24K, do

bà đóng lãi không nổi nên bà Ch ép bà ký nhận nợ.

Đối với tờ biên nhận ngày 03/10/2019 có nội dung “Tôi Phạm Thị Ph có mượn chị sáu Ch số tiền là 5 triệu đồng... trả lại chị Sáu Ch”, phía dưới có chữ ký tên Ph và chữ viết ghi “Phạm Thị Ph”. Bà không biết gì về tờ biên nhận này, cũng không có viết và ký tên vào tờ biên nhận này. Bà cũng không thừa nhận có nợ của bà Ch 2.000.000 đồng như bà Ch trình bày.

Nay phía bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn 02 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng. Lý do là trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã đóng lãi vượt quá số vàng 02 chỉ 24K và số tiền 20.000.000 đồng là số tiền lãi do bà Ch ép bà ký nhận nợ. Đến năm 2019, bà có gặp chồng bà Ch là ông Sáu Tr để năn nỉ về việc đóng lãi quá nhiều. Ông Sáu Tr nói bà đã đóng lãi quá nhiều, vượt cả vốn gốc nên đồng ý xóa nợ cho bà. Do vậy bà đã thanh toán xong hết nợ. Bà cũng không yêu cầu tính lại lãi suất số tiền lãi đã đóng cho bà Ch.

** Người làm chứng Nguyễn Thị B2 trình bày:*

Bà là người hàng xóm với bà Ph và bà có biết bà Ph vay 02 chỉ vàng và lãi như bà Ph trình bày. Thỉnh thoảng, bà có thấy bà Ch đến nhà bà Ph thu tiền lãi và bà cũng có nghe nói về việc ông Sáu Triễn là chồng của bà Ch đã xóa nợ cho bà Ph. Còn việc bà Ph đóng tiền lãi như thế nào thì bà không rõ.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS – ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba đã tuyên:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim Ch đối với bị đơn bà Phạm Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Th. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Th phải liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim Ch 02 (hai) chỉ vàng 24K và số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả số tiền 7.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, Ch phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/05/2022, bà Phạm Thị Ph có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn – bà Phạm Thị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vụ án, tuyên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Võ Thị Kim Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ y án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015 đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Ph. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 17/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Ph và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại Toà. Căn cứ vào lời khai, kết quả tranh luận, nghị án. Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời khai nguyên đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Kim Ch được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét xử vắng mặt bà Võ Thị Kim Ch.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim Ch về việc yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Đức Th trả 02 chỉ vàng 24K và số tiền 20.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm thấy rằng: Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là biên nhận ngày 08/7/2013 (cho số nợ 02 chỉ vàng 24K) và biên nhận ngày 02/6/2019 (cho số nợ 20.000.000 đồng). Bà Ph thừa nhận nội dung 02 biên nhận này là do bà viết và ký tên và cũng thừa nhận có vay của bà Ch 02 chỉ vàng 24K đến nay chưa trả. Tuy nhiên, bà Ph không đồng ý trả nợ cho bà Ch vì cho rằng bà đã đóng lãi của 02 chỉ vàng vượt cả vốn gốc. Riêng số tiền 20.000.000 đồng tại biên nhận ngày 02/6/2019, bà Ph cho rằng đây là nợ lãi nên không đồng ý trả. Tuy nhiên, phía bà Ph không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền lãi đã đóng, đồng thời cũng không chứng minh được số tiền 20.000.000 đồng là nợ lãi.

[2] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hiện bà Ph vẫn còn nợ bà Ch 02 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ.

[3] Đối với ông Nguyễn Đức Th, dù ông Th không tham gia vào việc vay tài sản giữa bà Ch và bà Ph. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà Ph, mục đích bà Ph vay tiền của bà Ch là để phục vụ cho việc sinh hoạt và làm kinh tế của gia đình. Qua xác minh, ông Th và bà Ph chung sống với nhau từ năm 1982 cho đến nay và như bà Ph trình bày, sau này, ông Th đã biết về việc bà Ph vay vàng, tiền của bà Ch. Do đó, căn cứ vào Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Th có trách nhiệm liên đới cùng bà Ch trả cho bà Ph 02 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Do bà Ph kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Ph.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của ba Phạm Thị Ph.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 17/05/2022 của TAND huyện Ba Tri.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim Ch đối với bị đơn bà Phạm Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Th. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Th phải liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim Ch 02 (hai) chỉ vàng 24K và số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2]. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả số tiền 7.000.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Th phải liên đới nộp án phí là 1.540.500 (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn năm trăm) đồng. (Tính theo giá vàng nhẫn 24K ngày 17/5/2022 là 5.405.000 đồng/chỉ)

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Ph phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004154 ngày 27/05/2022 của Ch cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Ba Tri;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Ch cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phận